PGS, TS. PHẠM VĂN LINH - TS. NGUYỄN TIẾN HOÀNG

VỀ NHỮNG ĐIỂM MỚI
CỦA CƯƠNG LĨNH XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI
(BỔ SUNG, PHÁT TRIỂN NĂM 2011)

(Tài liệu tham khảo phục vụ nghiên cứu các văn kiện Đại hội XI)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

VỀ NHỮNG ĐIỂM MỚI

CỦA CƯƠNG LĨNH XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

(BỔ SUNG, PHÁT TRIỂN NĂM 2011)

Mã số: 3KV
CTQG - 2011

PGS, TS. PHẠM VĂN LINH - TS. NGUYỄN TIẾN HOÀNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG NN
& PTNT BẮC BỘ
THƯ VIỆN
Ngày...../...../200....
Số.....

VỀ NHỮNG ĐIỂM MỚI
CỦA CƯƠNG LĨNH XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI
(BỔ SUNG, PHÁT TRIỂN NĂM 2011)

(Tài liệu tham khảo phục vụ nghiên cứu các văn kiện Đại hội XI)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
Hà Nội - 2011

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (gọi tắt là Cương lĩnh năm 1991) được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng thông qua đến nay đã được 20 năm.

Qua tổng kết lý luận và thực tiễn 25 năm đổi mới, 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, chúng ta thấy rõ giá trị định hướng và chỉ đạo to lớn của Cương lĩnh năm 1991, đồng thời cũng thấy những vấn đề cần nghiên cứu, bổ sung và phát triển Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) do Đại hội XI thông qua là bước phát triển mới về lý luận và thực tiễn so với Cương lĩnh năm 1991.

Để giúp bạn đọc có thêm tư liệu đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, quán triệt, học tập các văn kiện Đại hội XI, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật xuất bản cuốn sách ***Về những điểm mới của Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*** của PGS. TS. Phạm Văn Linh và TS. Nguyễn Tiến Hoàng. Cuốn sách tập trung phân tích, làm rõ những điểm mới của Cương lĩnh xây dựng đất nước

trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011).

Xin giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 4 năm 2011

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

LỜI NÓI ĐẦU

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đã thông qua các văn kiện quan trọng không chỉ có ý nghĩa trước mắt mà còn có ý nghĩa chiến lược lâu dài đối với sự phát triển của nước ta như: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020, Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam...*

Để đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, quán triệt, học tập nghị quyết sau mỗi kỳ Đại hội Đảng, Ban Tuyên giáo Trung ương triển khai xây dựng bốn loại tài liệu:

- *Tài liệu nghiên cứu các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng (Dùng cho cán bộ chủ chốt và báo cáo viên).* Tài liệu bám sát những nội dung cơ bản của các văn kiện, đồng thời, nêu lên những điểm mới trong nội dung các văn kiện.

- *Tài liệu học tập các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng (Dùng cho cán bộ, đảng viên ở cơ sở)*. Tài liệu bám sát nội dung cơ bản của các văn kiện, được trình bày ngắn gọn, dễ hiểu, dễ tiếp thu.

- *Tài liệu hỏi - đáp các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng (Dùng cho đoàn viên, hội viên các đoàn thể chính trị - xã hội và tuyên truyền trong nhân dân)*, bao gồm những vấn đề cơ bản nhất, quan trọng nhất và trình bày dưới hình thức hỏi-đáp. Các câu hỏi và trả lời ngắn gọn và dễ hiểu, dễ tiếp thu.

- *Tài liệu tham khảo phục vụ nghiên cứu các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng* bổ sung tư liệu cho các tài liệu trên, cũng như cho những người quan tâm nghiên cứu sâu hơn về đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Do yêu cầu phải trình bày ngắn gọn các quan điểm, tư tưởng của các văn kiện Đại hội XI nên các tài liệu nghiên cứu, học tập chưa có điều kiện trình bày kỹ về những điểm mới trong các văn kiện. Để góp phần giúp độc giả tìm hiểu sâu hơn về các điểm mới của văn kiện Đại hội XI, đặc biệt là những người có trách nhiệm truyền đạt nội dung các văn kiện trong các lớp nghiên cứu, quán triệt văn kiện Đại hội, những người nghiên cứu, giảng dạy lý luận chính trị, những người làm công tác tham mưu, hoạch định đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, trên cơ sở những tư liệu, tài liệu, kết quả nghiên cứu, tổng kết lý luận và thực tiễn phục vụ

xây dựng các văn kiện Đại hội XI của Đảng, chúng tôi tổng hợp thành tài liệu tham khảo **"Về những điểm mới của Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội *(bổ sung, phát triển năm 2011)*".**

Tài liệu được viết theo thứ tự nội dung từ Cương lĩnh năm 1991 đến Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) nên có thể dùng để tra cứu, tham khảo theo từng phần. Hy vọng tài liệu thỏa mãn phần nào nhu cầu tìm hiểu các văn kiện Đại hội XI của độc giả.

Chúng tôi xin giới thiệu cùng bạn đọc.

CÁC TÁC GIẢ

Phần mở đầu

MỘT SỐ NHẬN ĐỊNH CHUNG VỀ NHỮNG ĐIỂM MỚI[1] CỦA CƯƠNG LĨNH XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (bổ sung, phát triển năm 2011)

Cương lĩnh của Đảng là một văn kiện quan trọng nhất, là tuyên ngôn chính trị của Đảng. Cương lĩnh trình bày những quan điểm cơ bản của Đảng về các vấn đề chính trị - xã hội đương đại, thái độ của Đảng trong việc giải quyết các vấn đề đó, đồng thời, định hướng con đường đi lên của đất nước trong một giai đoạn tương đối dài.

Vào cuối thập kỷ 80 và đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX, bối cảnh thế giới đã có nhiều biến đổi sâu sắc; chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, chủ nghĩa Mác-Lênin, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội... trải qua thử thách gay gắt...

---

1. Điểm mới ở đây được hiểu theo nghĩa trong so sánh với "Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội" được Đại hội VII của Đảng thông qua năm 1991.

Trước tình hình đó, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đưa ra *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, gọi tắt là *Cương lĩnh năm 1991*.

Trong Cương lĩnh năm 1991, Đảng Cộng sản Việt Nam trình bày thái độ của mình về quá trình cách mạng Việt Nam do Đảng lãnh đạo từ khi thành lập; đánh giá về thời đại, về tình hình quốc tế và trong nước lúc đó, về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về chủ nghĩa xã hội; đề ra mục tiêu và phương hướng phát triển đất nước trong suốt thời kỳ quá độ.

Cương lĩnh năm 1991 trở thành vũ khí tư tưởng, lý luận, định hướng về tư tưởng và lý luận cho toàn Đảng, toàn dân tiếp tục đi theo con đường xã hội chủ nghĩa trong điều kiện thế giới đầy khó khăn và phức tạp lúc đó.

Sau 20 năm kể từ khi Cương lĩnh năm 1991 ra đời, tình hình trong nước và thế giới đã có những biến đổi sâu sắc. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, quá trình toàn cầu hóa tiếp tục diễn ra mạnh mẽ; Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng vào thế giới và khu vực, ngày càng được nhiều nước công nhận là nền kinh tế thị trường; giao lưu văn hóa, xã hội diễn ra mạnh mẽ... Trước tình hình đó, đòi hỏi Đảng phải bày tỏ rõ quan điểm, thái độ của mình và định hướng con đường đi lên của đất nước trong thời kỳ từ nay đến giữa thế kỷ XXI. Do đó, Đại hội XI của Đảng thông qua **Cương lĩnh xây**

dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (*bổ sung, phát triển năm 2011*).

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (*bổ sung, phát triển năm 2011*), gọi tắt là **Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011)**, kế thừa những quan điểm, tư tưởng cơ bản của Cương lĩnh năm 1991 như:

- Tiếp tục khẳng định, kể từ khi thành lập đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân Việt Nam làm cách mạng và thu được những thành tựu to lớn. Đó là: lật đổ chế độ thuộc địa nửa phong kiến, đưa Việt Nam bước vào kỷ nguyên độc lập, tự do; tiến hành hai cuộc kháng chiến thắng lợi, lập lại hòa bình, thống nhất nước nhà; thực hiện đường lối đổi mới, đem lại ấm no, hạnh phúc cho nhân dân... Bên cạnh đó, Đảng cũng phạm một số sai lầm, khuyết điểm.

- Tiếp tục khẳng định những bài học kinh nghiệm lớn mà Cương lĩnh năm 1991 đưa ra.

- Tiếp tục khẳng định về chủ nghĩa tư bản vẫn còn tiềm năng phát triển nhưng không thay đổi bản chất của nó; về thời đại ngày nay vẫn là thời đại loài người đang đi lên chủ nghĩa xã hội (khẳng định loài người nhất định sẽ tiến lên chủ nghĩa xã hội); về chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu đã đạt được những thành tựu to lớn; về cách mạng khoa học và công nghệ, toàn cầu hóa; về các vấn đề xã hội, những khó khăn của chủ nghĩa xã hội...

- Tiếp tục khẳng định về những đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng, về con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, các mục tiêu mà chúng ta cần đạt được qua một số giai đoạn.

- Tiếp tục khẳng định những phương hướng cơ bản chúng ta cần thực hiện để đạt được các mục tiêu đã đề ra.

- Tiếp tục khẳng định nội dung cơ bản trong các định hướng phát triển trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

- Tiếp tục khẳng định về vị trí, vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với xã hội, về bản chất của Đảng, về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng của Đảng, phương hướng củng cố, xây dựng Đảng...

Mặc dù về cơ bản kế thừa các quan điểm, tư tưởng của Cương lĩnh năm 1991, nhưng **Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội** (*bổ sung, phát triển năm 2011*) cũng có nhiều **điểm mới** (bổ sung, phát triển) so với Cương lĩnh năm 1991 như:

Thứ nhất, những quan điểm, tư tưởng kế thừa được trình bày chặt chẽ, khoa học hơn, gọn hơn, phù hợp với nhận thức hiện nay.

Thứ hai, bổ sung thành tựu của cách mạng sau 20 năm kể từ khi Cương lĩnh năm 1991 ra đời.

Thứ ba, bổ sung, cụ thể hóa một số nội dung trong một số bài học.

Thứ tư, bổ sung đánh giá về đặc điểm của giai đoạn hiện nay của thời đại là sự cùng tồn tại hòa bình của các chế độ xã hội khác nhau; về xu thế lớn của bối cảnh thế giới ngày nay (hòa bình, độc lập dân tộc, hợp tác và phát triển bên cạnh xung đột sắc tộc, tôn giáo, tranh chấp đất đai, tài nguyên...); các nước xã hội chủ nghĩa còn lại tiếp tục phát triển; phong trào cộng sản, công nhân phục hồi nhưng còn khó khăn; châu Á - Thái Bình Dương là khu vực phát triển năng động...

Thứ năm, bổ sung về những đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng hai đặc trưng: đặc trưng bao trùm (dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh) và đặc trưng về Nhà nước (có Nhà nước pháp quyền mà khi đó, vào năm 1991 chưa được nhận thức thống nhất), đồng thời điều chỉnh đặc trưng về kinh tế ("có quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp" thay cho "chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu") và một số đặc trưng khác.

Thứ sáu, bổ sung, cụ thể hóa một số nội dung về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Thứ bảy, bổ sung, phát triển một số nội dung trong *các phương hướng cơ bản*.

Thứ tám, bổ sung nội dung về việc nắm vững và giải quyết tốt các mối quan hệ trong thực hiện các phương hướng cơ bản.

Thứ chín, xác định, điều chỉnh cụ thể hơn mục tiêu phát triển đất nước.

Thứ mười, điều chỉnh, bổ sung nhiều điểm trong định hướng phát triển các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Thứ mười một, phát triển cách diễn đạt về bản chất của Đảng cho phù hợp hơn với nhiệm vụ đoàn kết toàn dân tộc trong giai đoạn hiện nay...

Phần thứ nhất

VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG ... TNT BẮC BỘ
THƯ VIỆN
Ngày...../...../ 200....
Số.....

I- VỀ NHỮNG THẮNG LỢI CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Về những thắng lợi của cách mạng Việt Nam

Sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu tan rã, trên thế giới cũng như Việt Nam, rất nhiều người dao động, mất niềm tin vào con đường xã hội chủ nghĩa. Có sự nhìn nhận, đánh giá lại công lao của cách mạng, của các đảng cộng sản và công nhân. Ở Việt Nam, điều đó cũng không loại trừ. Chính vì vậy, Cương lĩnh năm 1991 dành riêng một mục để viết về quá trình cách mạng Việt Nam.

Cương lĩnh năm 1991 đã trình bày khái quát *quá trình cách mạng Việt Nam* từ khi có Đảng lãnh đạo (1930)

---

1. Tiêu đề các phần, các mục do các tác giả đặt, không phải tên của các phần, mục trong Cương lĩnh.

đến năm 1991, từ đó, nêu lên những thắng lợi vĩ đại mà cách mạng Việt Nam đã đạt được và rút ra các bài học kinh nghiệm.

Cương lĩnh năm 1991 đã trình bày bốn thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam:

- Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám:

Làm cuộc Cách mạng Tháng Tám thành công, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, đưa dân tộc ta tiến vào kỷ nguyên độc lập, tự do.

- Thắng lợi của hai cuộc kháng chiến:

Đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp, giải phóng nửa nước, miền Bắc chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa; kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, cả nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

- Thắng lợi của sự nghiệp xây dựng đất nước trong điều kiện hòa bình:

Sau thắng lợi lịch sử mùa Xuân 1975, nhân dân ta tiếp tục nêu cao chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng và đã đạt được những thành tựu to lớn: thiết lập chính quyền nhân dân ở cả miền Nam, thống nhất nước nhà; khôi phục kinh tế, khắc phục hậu quả nặng nề của chiến tranh; từng bước xây dựng quan hệ sản xuất mới và cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội; bảo vệ vững chắc Tổ quốc; làm tròn nghĩa vụ quốc tế.

- Thắng lợi của sự nghiệp đổi mới:

Công cuộc đổi mới qua hơn bốn năm đã đạt những thành tựu bước đầu rất quan trọng. Tình hình kinh tế - xã hội có chuyển biến tích cực, tạo thế đi lên và khẳng định con đường chúng ta đang đi là đúng.

Cách mạng không phải lúc nào cũng gắn liền với thắng lợi, với thuận lợi, thành công. Chính vì vậy, với tinh thần khách quan và đổi mới, Cương lĩnh năm 1991 đã trình bày về những sai lầm, khuyết điểm của Đảng: Đảng đã phạm sai lầm chủ quan duy ý chí, vi phạm quy luật khách quan: nóng vội trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, xoá bỏ ngay nền kinh tế nhiều thành phần; có lúc đẩy mạnh quá mức việc xây dựng công nghiệp nặng; duy trì quá lâu cơ chế quản lý kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp; có nhiều chủ trương sai trong việc cải cách giá cả, tiền tệ, tiền lương. Công tác tư tưởng và tổ chức cán bộ phạm nhiều khuyết điểm nghiêm trọng.

Từ sau Đại hội VII, những thành tựu, hạn chế... của cách mạng Việt Nam được Đảng tiếp tục nhìn nhận, đánh giá, bổ sung và phát triển trong các văn kiện của Đảng.

Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII đã chỉ ra bốn nguy cơ, thách thức và các cơ hội lớn của đất nước trong tình hình mới. Đại hội VIII nhận định đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và có tiền đề cần thiết để chuyển sang thời kỳ phát triển mới: thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Đặc biệt, Đại hội IX đã một lần nữa đánh giá tổng quát về tiến trình cách mạng Việt Nam trong mối liên hệ với cách mạng thế giới.

Những đánh giá về công cuộc đổi mới đã từng bước được đưa ra một cách kịp thời trong văn kiện của các Đại hội VIII, Đại hội IX và Đại hội X. Đại hội X đã đánh giá tổng quát về 20 năm đổi mới.

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011), trên cơ sở kế thừa những kết quả nghiên cứu, tổng kết từ sau Đại hội VII tiếp tục khẳng định ba thắng lợi vĩ đại như Cương lĩnh năm 1991, đồng thời bổ sung thành tựu do 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991 đem lại ("thắng lợi của công cuộc đổi mới, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế")[1].

Chúng ta có thể không cần thiết đặt thắng lợi của sự nghiệp xây dựng hòa bình sau năm 1975 là một thắng lợi riêng vì trong thời kỳ này có một số sai lầm, khuyết điểm, còn những thành tựu của giai đoạn này có thể xem là hệ quả do hai cuộc kháng chiến đưa lại, đồng thời, được kết tinh vào thắng lợi của sự nghiệp đổi mới sau này.

---

1. Về công cuộc cải tạo và xây dựng kinh tế - xã hội ở miền Bắc trước đây và cả nước sau năm 1975 mà Cương lĩnh năm 1991 có viết, coi như bộ phận của những thắng lợi kể trên nên Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) không nhắc đến.

Ngoài ra, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) cũng bổ sung *nhận định chung* về kết quả chung mà các thắng lợi đã mang lại trong hơn 80 năm qua:

- Nước ta từ một xứ thuộc địa nửa phong kiến đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa;

- Nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội;

- Đất nước ta đã thoát khỏi tình trạng nước nghèo, kém phát triển, đang đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, có quan hệ quốc tế rộng rãi, có vị thế ngày càng quan trọng trong khu vực và trên thế giới.

2. Về những bài học lớn từ thực tiễn cách mạng Việt Nam

Trên cơ sở tổng kết hơn 60 năm cách mạng Việt Nam, Cương lĩnh năm 1991 đã rút ra năm bài học lớn, gồm:

Một là, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Hai là, sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Ba là, không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết.

Bốn là, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế.

Năm là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đảng phải nắm vững, vận dụng sáng tạo và

góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Mỗi nhiệm kỳ Đại hội, Đảng ta đều có bổ sung, phát triển một số khía cạnh, làm phong phú thêm các bài học đó. Đến Đại hội X, trên cơ sở tổng kết thực tiễn 20 năm đổi mới, Đảng ta đã rút ra năm bài học lớn, gồm: phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; phải nhận thức đúng, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, lấy đó làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động cách mạng; đổi mới toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp; đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân, xuất phát từ thực tiễn, nhạy bén với cái mới; phát huy cao độ nội lực, đồng thời ra sức tranh thủ ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, không ngừng đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

Những bài học mà Cương lĩnh năm 1991 rút ra từ kinh nghiệm của quá trình cách mạng Việt Nam, tiếp tục thể hiện một cách sinh động trong 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991 vừa qua, tức là trong điều kiện phát triển hòa bình của đất nước. Chẳng hạn, bài học về sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do

nhân dân và vì nhân dân thể hiện rất rõ. Thành tựu mà 20 năm phát triển kinh tế-xã hội vừa qua đạt được là do biết dựa vào nhân dân, do nhân dân thực hiện. Chính vì vậy, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) vẫn giữ năm bài học như Cương lĩnh năm 1991, tuy có *bổ sung một số nội dung* và điều chỉnh cách diễn đạt cho chính xác hơn:

- Bổ sung vào bài học thứ hai: "Quan liêu, tham nhũng, xa rời nhân dân sẽ dẫn đến những tổn thất khôn lường đối với vận mệnh của đất nước, **của chế độ xã hội chủ nghĩa và của Đảng**"[1].

Đây không phải là bài học mới, nhưng là một nội dung quan trọng, rất thiết thực cho giai đoạn cách mạng diễn ra trong điều kiện hòa bình hiện nay ở nước ta.

- Chính xác hoá một số từ ngữ cho đúng với thực tế ở bài học thứ năm: "sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu **quyết định** thắng lợi của cách mạng Việt Nam" chứ không chỉ là "nhân tố hàng đầu **bảo đảm**" như Cương lĩnh năm 1991 viết.

Điều này khẳng định rõ hơn về vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, chống lại một số biểu hiện không coi trọng đúng mức đến công tác Đảng, hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 65.

- Khắc phục cách diễn đạt trùng lắp ở các bài học thứ nhất, thứ ba, thứ tư. Chẳng hạn, bỏ ý nghĩa của từng bài học (vì cả năm bài học đều là năm bài học kinh nghiệm lớn xuyên suốt hơn 80 năm qua).

II- VỀ BỐI CẢNH THẾ GIỚI VÀ TRONG NƯỚC

1. Tình hình thế giới và những đặc điểm nổi bật trong giai đoạn hiện nay của thời đại

Cương lĩnh năm 1991 nhận định những biến đổi to lớn và sâu sắc của tình hình thế giới đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX:

- Về cuộc cách mạng khoa học và công nghệ:

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đang diễn ra mạnh mẽ, cuốn hút tất cả các nước ở mức độ khác nhau.

- Về quốc tế hóa, toàn cầu hóa:

Nền sản xuất vật chất và đời sống xã hội đang trong quá trình quốc tế hoá sâu sắc, ảnh hưởng lớn tới nhịp độ phát triển lịch sử và cuộc sống các dân tộc. Những xu thế đó vừa tạo thời cơ phát triển nhanh cho các nước, vừa đặt ra những thách thức gay gắt, nhất là đối với những nước lạc hậu về kinh tế.

- Về chủ nghĩa xã hội:

+ Trong quá trình hình thành và phát triển, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác đã đạt những

thành tựu to lớn về nhiều mặt, đã từng là chỗ dựa cho phong trào hoà bình và cách mạng thế giới, cho việc đẩy lùi nguy cơ chiến tranh hạt nhân, góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

+ Nhưng, do duy trì quá lâu những khuyết tật của *mô hình cũ của chủ nghĩa xã hội*, chậm trễ trong cách mạng khoa học và công nghệ, nhiều nước xã hội chủ nghĩa đã lâm vào khủng hoảng trầm trọng. Ở một số nước, đảng cộng sản và công nhân không còn nắm vai trò lãnh đạo; chế độ xã hội đã thay đổi. Các thế lực đế quốc lợi dụng những sai lầm và khó khăn đó đẩy mạnh cuộc phản kích quyết liệt nhằm xoá bỏ các nước xã hội chủ nghĩa. Mâu thuẫn giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản đang diễn ra gay gắt.

- Về chủ nghĩa tư bản:

+ Trước mắt, chủ nghĩa tư bản còn có tiềm năng phát triển kinh tế, nhờ ứng dụng những thành tựu mới của khoa học, công nghệ, cải tiến phương pháp quản lý, thay đổi cơ cấu sản xuất, điều chỉnh các hình thức sở hữu và chính sách xã hội.

+ Tuy vậy, chủ nghĩa tư bản vẫn là một chế độ áp bức, bóc lột và bất công. Mâu thuẫn cơ bản vốn có của chủ nghĩa tư bản giữa tính chất xã hội hoá ngày càng cao của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa ngày càng sâu sắc. Mâu thuẫn giữa các tầng lớp nhân dân rộng rãi với giai cấp tư sản,

giữa các tập đoàn tư bản độc quyền, các công ty xuyên quốc gia, các trung tâm tư bản lớn tiếp tục phát triển. Mâu thuẫn giữa các nước tư bản chủ nghĩa phát triển và các nước đang phát triển ngày càng tăng lên. Chính sự vận động của tất cả những mâu thuẫn đó và cuộc đấu tranh của nhân dân lao động các nước sẽ quyết định số phận của chủ nghĩa tư bản.

- Về các nước đang phát triển:

Các nước độc lập dân tộc và các nước đang phát triển phải tiến hành cuộc đấu tranh rất khó khăn và phức tạp, chống nghèo nàn và lạc hậu, chống chủ nghĩa thực dân mới dưới mọi hình thức, chống sự can thiệp và xâm lược của chủ nghĩa đế quốc nhằm bảo vệ độc lập và chủ quyền dân tộc.

- Về các vấn đề toàn cầu:

Nhân dân các nước đang đứng trước những vấn đề toàn cầu cấp bách có liên quan đến vận mệnh loài người. Đó là giữ gìn hoà bình, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, bảo vệ môi trường sống, hạn chế sự bùng nổ về dân số, phòng ngừa và đẩy lùi những bệnh tật hiểm nghèo. Việc giải quyết những vấn đề đó đòi hỏi sự hợp tác và tinh thần trách nhiệm cao của tất cả các dân tộc.

- Về đặc điểm của giai đoạn hiện nay:

+ Đặc điểm nổi bật trong giai đoạn hiện nay của thời đại là cuộc đấu tranh giai cấp và dân tộc gay go, phức tạp của nhân dân các nước vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

+ Chủ nghĩa xã hội hiện đứng trước nhiều khó khăn, thử thách.

- Về tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội:

Lịch sử thế giới đang trải qua những bước quanh co. Song, loài người cuối cùng nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội vì đó là quy luật tiến hoá của lịch sử.

Từ năm 1991 đến nay, thế giới có nhiều thay đổi sâu sắc. Đảng ta cũng đã có nhiều nhận định, đánh giá, dự báo về thế giới và khu vực. Những nhận thức mới quan trọng so với Cương lĩnh năm 1991 là:

- Về bước thoái trào *tạm thời* của chủ nghĩa xã hội và sự khủng hoảng nghiêm trọng của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế (Nghị quyết Trung ương 3 khoá VII).

- Những mâu thuẫn mới và khả năng tự điều chỉnh để thích nghi của chủ nghĩa tư bản.

- Về cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, xu thế toàn cầu hoá kinh tế và bước chuyển từ kinh tế công nghiệp sang *kinh tế tri thức* (rõ nét là từ Đại hội IX).

- Về xu thế trong quan hệ quốc tế:

+ Xu thế hoà bình, hợp tác và phát triển (nhấn mạnh từ Đại hội VIII).

+ Về vấn đề chiến tranh và hoà bình (từ Đại hội VIII), nhấn mạnh: trong một vài thập kỷ tới, ít có khả năng xảy ra chiến tranh thế giới; nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, ly khai, hoạt động

khủng bố, những tranh chấp về biên giới, lãnh thổ, biển đảo và các tài nguyên thiên nhiên tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi với tính chất ngày càng phức tạp.

- Về trật tự thế giới và vai trò chi phối của các nước lớn (Nghị quyết Trung ương 3 khoá VII và Nghị quyết Trung ương 8 khoá IX).

- Về các vấn đề toàn cầu (Đại hội IX).

- Về các nước đang phát triển: Khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Đông Nam Á: vừa phát triển năng động, vừa tiềm ẩn những nhân tố mất ổn định (từ Đại hội VIII).

Trong gần ba năm qua, tình hình thế giới và khu vực diễn biến phức tạp; từ giữa năm 2008, kinh tế Mỹ lâm vào khủng hoảng tài chính nặng nề, lan rộng ra nhiều nước, cuộc khủng hoảng còn diễn biến phức tạp, khó lường. Sự hình thành các liên kết khu vực, ký kết các hiệp ước hợp tác kinh tế song phương, đa phương tăng lên, nhưng đồng thời cũng diễn ra xu hướng bảo hộ mậu dịch của nhiều nước. Quan hệ giữa các nước lớn vẫn vừa hợp tác, vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt; vừa thoả hiệp, vừa kiềm chế lẫn nhau... Yêu cầu tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, phát triển bền vững đặt ra với mọi quốc gia trên thế giới (Hội nghị Trung ương 9 khoá X).

Vì bối cảnh hiện nay và dự báo trong vài thập kỷ tới khác rất nhiều so với năm 1991 nên trong phần này, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) kế thừa

những nhận định, nghiên cứu của các kỳ Đại hội, có nhiều điểm bổ sung, phát triển so với Cương lĩnh năm 1991. Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) viết gọn hơn; không đi sâu vào những vấn đề thế giới ít liên quan trực tiếp đến nước ta hiện nay, nhất là những vấn đề còn có ý kiến khác nhau như về nguyên nhân sự sụp đổ của chế độ xã hội ở Liên Xô và Đông Âu.

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) tiếp tục khẳng định những luận điểm của Cương lĩnh năm 1991, đồng thời có những điểm mới là:

- Về cuộc cách mạng khoa học và công nghệ và quá trình quốc tế hóa.

So với Cương lĩnh năm 1991, bổ sung "kinh tế tri thức"; thay "quốc tế hóa" bằng "toàn cầu hóa".

- Về đặc điểm của giai đoạn hiện nay:

+ Đưa ra nhận định mới: Hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển là xu thế lớn.

+ Bổ sung nhiều hình thức biểu hiện khác như xung đột sắc tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố, tranh chấp lãnh thổ, biển, đảo, tài nguyên...

+ Nhận định mới về đặc điểm nổi bật của giai đoạn hiện nay: các nước với chế độ xã hội và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt vì lợi ích quốc gia, dân tộc (thay cho nhận định của Cương lĩnh năm 1991: cuộc đấu tranh giai cấp và dân tộc gay go, phức tạp của

nhân dân các nước vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội).

- Về các nước đang phát triển:

+ Bổ sung khẳng định về khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Đông Nam Á (phát triển năng động, nhưng cũng tiềm ẩn những nhân tố mất ổn định).

+ Lồng thêm nhận định về các nước kém phát triển, các nước lệ thuộc...

- Về chủ nghĩa xã hội:

+ Tiếp tục khẳng định về vai trò của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa (không nhận định về nguyên nhân sụp đổ).

+ Bổ sung nhận định về thành tựu của các nước xã hội chủ nghĩa theo đường lối cải cách, đổi mới.

+ Bổ sung nhận định về bước phục hồi của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

- Về chủ nghĩa tư bản:

+ Tiếp tục khẳng định về bản chất của chủ nghĩa tư bản; khẳng định chủ nghĩa tư bản còn tiềm năng phát triển.

+ Nhấn mạnh bổ sung nhận định về khủng hoảng kinh tế, chính trị, xã hội vẫn tiếp tục xảy ra để thấy rõ về bản chất của các cuộc khủng hoảng, suy thoái gần đây trên thế giới và khu vực.

- Về các vấn đề toàn cầu: bổ sung các vấn đề mới như khủng bố, biến đổi khí hậu toàn cầu.

- Tiếp tục khẳng định về tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội.

2. Về đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Về đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Cương lĩnh năm 1991 xác định:

- Nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

- Từ một xã hội vốn là thuộc địa nửa phong kiến, đi lên chủ nghĩa xã hội, lực lượng sản xuất rất thấp.

- Đất nước trải qua chiến tranh ác liệt kéo dài nhiều chục năm, hậu quả xã hội do chiến tranh để lại rất nặng nề.

- Các thế lực thù địch thường xuyên tìm cách phá hoại.

Đó là *những khó khăn khách quan* trên con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, cho thấy thời kỳ quá độ ở Việt Nam là một thời kỳ lịch sử lâu dài, phải giải quyết hàng loạt nhiệm vụ mới mẻ, phức tạp, chưa có tiền lệ.

Bên cạnh đó, Việt Nam quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa cũng có nhiều thuận lợi:

- Đất nước hoà bình và thống nhất.

- Dân tộc Việt Nam có truyền thống anh hùng, bất khuất, nhân dân có lòng yêu nước và cần cù lao động.

- Chúng ta đã có một số cơ sở vật chất ban đầu.

- Thời cơ phát triển do cách mạng khoa học - công nghệ và xu thế quốc tế hoá đời sống kinh tế thế giới tạo ra.

Qua các kỳ Đại hội, Đảng ta nhận thức rõ hơn và đầy đủ hơn những khó khăn của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam. Những nhận thức bổ sung, phát triển chủ yếu là:

- Đó không chỉ là khó khăn mà còn là những mâu thuẫn cần phải giải quyết. Đó cũng chính là những thách thức và nguy cơ cần phải vượt qua trong đổi mới và hội nhập để phát triển.

- Thời kỳ quá độ diễn ra trong đổi mới, mở cửa, hội nhập với xu thế toàn cầu hoá, sự phát triển của công nghệ thông tin và kinh tế tri thức, nên thuận lợi cũng là thời cơ.

- Thời cơ phải đón kịp, thuận lợi phải khai thác, phát huy; khó khăn, mâu thuẫn phải được xử lý, thách thức và nguy cơ phải vượt qua. Những nhân tố này đan xen vào nhau rất phức tạp, đồng thời chi phối lẫn nhau, tuỳ thuộc cả vào hoàn cảnh lẫn năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành.

- Thời kỳ quá độ ở Việt Nam là rất dài, do bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

Ý thức rõ những đặc điểm, đặc thù của thời kỳ quá độ ở Việt Nam trong tư duy lý luận của Đảng từ sau khi thông qua Cương lĩnh năm 1991, Đảng ta trong các văn kiện, nghị quyết tiếp theo, đã nhấn mạnh:

+ "Định hướng xã hội chủ nghĩa" (để nói rõ chủ nghĩa xã hội là lý tưởng, mục tiêu vươn tới, là đường hướng, khuynh hướng của phát triển).

+ Phải kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

+ Kết hợp nội lực với ngoại lực; mở rộng hợp tác song phương và đa phương, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển.

Trong bối cảnh, tình hình hiện nay, hội nhập quốc tế không chỉ là hội nhập về kinh tế mà còn mở rộng sang nhiều lĩnh vực khác. Do đó, khó khăn, phức tạp trong hội nhập ngày càng nhiều, đòi hỏi năng lực sáng tạo của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta phải ngày càng lớn.

- Vấn đề "bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa", Đại hội IX đã có nhận thức mới, dựa trên thực tiễn phát triển kinh tế thị trường ở trong nước và thực tiễn phát triển của thế giới ngày nay:

+ Chỉ có thể bỏ qua chế độ áp bức, bóc lột tư bản chủ nghĩa, các thiết chế, thể chế chính trị và nhà nước tư bản không phù hợp với bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đã và đang xây dựng, chứ không thể bỏ qua những thành tựu mà nền văn minh nhân loại đã đạt được trong thời chủ nghĩa tư bản: kinh tế thị trường, nền dân chủ, nhà nước pháp quyền, khoa học - công nghệ, trình độ quản lý... Tuy nhiên, việc kế thừa những thành tựu này phải trên quan điểm có chọn lọc, có tinh thần phê phán.

+ Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta hiện nay phải gắn với phát triển kinh tế tri thức (Đại hội IX, X).

+ Muốn phát triển thì phải đổi mới, phải mở cửa, chủ động và tích cực hội nhập (Đại hội IX, X).

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) chỉ rõ hai nội dung mới quan trọng:

- Nhất thiết phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài.

Quá trình xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa là một quá trình cách mạng sâu sắc, triệt để, đấu tranh phức tạp giữa cái cũ và cái mới nhằm tạo ra sự biến đổi về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất thiết phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều bước phát triển, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đan xen (Cương lĩnh năm 1991 chỉ nêu yêu cầu về sự cần thiết phải có *bước đi, hình thức, biện pháp* thích hợp).

- Chỉ rõ những thuận lợi cơ bản:

+ Có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, có bản lĩnh chính trị vững vàng và dày dạn kinh nghiệm lãnh đạo (bổ sung so với Cương lĩnh năm 1991).

+ Dân tộc ta là một dân tộc anh hùng, có ý chí vươn lên mãnh liệt; nhân dân ta có lòng yêu nước nồng nàn, có truyền thống đoàn kết và nhân ái, cần cù lao động và sáng tạo, luôn luôn ủng hộ và tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng (kế thừa, trình bày rõ hơn Cương lĩnh năm 1991).

+ Chúng ta đã từng bước xây dựng được những cơ sở vật chất - kỹ thuật rất quan trọng (kế thừa Cương lĩnh năm 1991).

+ Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, sự hình thành và phát triển kinh tế tri thức cùng với quá trình toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế là một thời cơ để phát triển.

Nội dung mới ở đây là về *kinh tế tri thức* và *toàn cầu hóa*.

III- VỀ ĐẶC TRƯNG CỦA XÃ HỘI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA MÀ NHÂN DÂN TA XÂY DỰNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở NƯỚC TA

1. Về những đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng

Sau khi Liên Xô sụp đổ, mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu trước đây đã không còn thích hợp. Trước tình hình đó, nhiều người dao động, mất niềm tin vào con đường xã hội chủ nghĩa. Cương lĩnh năm 1991 đã đưa ra mô hình chủ nghĩa xã hội mới mà nhân dân ta xây dựng với sáu đặc trưng cơ bản:

- Do nhân dân lao động làm chủ.
- Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu.

- Có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân.

- Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ.

- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

Về đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa, những nhận thức mới của Đảng được thể hiện từng bước trong các văn kiện Đại hội VIII, Đại hội IX và trong các Nghị quyết Trung ương, đặc biệt rõ nhất trong văn kiện Đại hội X. Đại hội X đưa ra tám đặc trưng:

Một là, xã hội xã hội chủ nghĩa là một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh.

Hai là, do nhân dân làm chủ.

Ba là, có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển lực lượng sản xuất.

Bốn là, có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Năm là, con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, phát triển toàn diện.

Sáu là, các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

Bảy là, có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Tám là, có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.

Như vậy, Đại hội X bổ sung hai đặc trưng (đặc trưng tổng quát và đặc trưng về nhà nước) và phát triển ở một số đặc trưng khác.

Thực tiễn 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991 đã chứng tỏ tính đúng đắn của mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng do Cương lĩnh năm 1991 đưa ra. Tuy nhiên, về mặt nhận thức cũng như thực tiễn cho thấy mô hình đó có một số hạn chế và đã được bổ sung, phát triển bởi Đại hội X. Vì vậy, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) tiếp tục khẳng định mô hình đó, tuy nhiên, có một số điểm bổ sung, phát triển theo tinh thần Đại hội X.

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) bổ sung hai đặc trưng: Đặc trưng bao trùm, tổng quát: "Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh"[1] và đặc trưng "có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo"[2].

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr. 70.

Việc bổ sung này chỉ làm rõ hơn quan niệm về chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta xây dựng chứ không trái với quan niệm về chủ nghĩa xã hội nêu trong Cương lĩnh năm 1991. Hai đặc trưng này Đại hội X đã bổ sung. Điểm mới so với Đại hội X là chuyển từ "*dân chủ*" lên trước từ "*công bằng*" trong đặc trưng tổng quát.

Trong quá trình xây dựng dự thảo Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) còn có ý kiến khác nhau xung quanh vấn đề này. Tuy nhiên, đa số ý kiến đều cho rằng, cả lý luận và thực tiễn đều cho thấy, dân chủ là điều kiện, tiền đề của công bằng, văn minh. Nếu không có dân chủ, con người không được làm chủ vận mệnh của mình thì công bằng hay văn minh, nếu có, chỉ có thể trên một phương diện nhất định. Đồng thời, việc đưa "dân chủ" lên trước "công bằng" còn có ý nghĩa nhấn mạnh bản chất của xã hội xã hội chủ nghĩa là xã hội dân chủ; dân chủ thực sự chứ không phải dân chủ hình thức. Khi xây dựng, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, trước hết phải quan tâm đến dân chủ, phát huy sức mạnh của nhân dân.

Việc đưa "dân chủ" lên trước "công bằng" còn có ý nghĩa chỉ đạo thực tiễn. Trong xây dựng đường lối, chính sách, thực hiện tiến bộ và công bằng thì trước hết phải chú ý phát huy dân chủ, thực hành dân chủ.

Về đặc trưng "có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo", có người cho rằng, chúng ta

học tập máy móc nhà nước tư sản, đi theo con đường tư bản chủ nghĩa.

Cần khẳng định rằng, "Nhà nước pháp quyền" mà chúng ta nêu ra ở đây khác về bản chất với Nhà nước pháp quyền ở các nước tư bản chủ nghĩa. Trước hết là sự khác biệt về bản chất, nội dung của pháp luật. Mặt khác, ngay về hình thức, phương thức hoạt động ở đây cũng có thể có sự khác biệt. Nhà nước pháp quyền tư sản dựa trên nguyên tắc "tam quyền phân lập", còn "Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa" không phải "tam quyền phân lập" mà là có sự "phân công", "phối hợp" trong thực hiện ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp... Lý luận và thực tiễn cho thấy, "Nhà nước pháp quyền", cũng như "kinh tế thị trường", là sản phẩm của loài người, có nhiều ưu điểm, chứ không phải sản phẩm *riêng có* của chủ nghĩa tư bản; chúng ta cần phải vận dụng và phát huy.

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) cũng bổ sung, phát triển nội dung trong một số đặc trưng về chủ nghĩa xã hội như:

- Kế thừa sự bổ sung, phát triển của Đại hội X về đặc trưng "do nhân dân làm chủ", tức là thay cụm từ "do nhân dân lao động làm chủ".

Có ý kiến cho rằng, cách diễn đạt này là Đảng Cộng sản Việt Nam từ bỏ bản chất của mình, không còn là Đảng của những người lao động nữa mà là "Đảng toàn dân"... Đây là sự suy diễn không đúng. Cách diễn đạt

này không mâu thuẫn so với Cương lĩnh năm 1991 vì đến khi kết thúc thời kỳ quá độ thì mọi người dân đều là người lao động cả, không còn phải phân biệt người lao động với người không phải lao động nữa. Trong khi đó, cách diễn đạt mới lại tránh được suy diễn, hiểu lầm hoặc lợi dụng theo hướng khác, cho rằng, có sự so sánh giữa người lao động trực tiếp với các nhà doanh nhân, các nhà đầu tư, trí thức...

Mặt khác, cũng phải khẳng định rằng, đây cũng là một bước tiến theo tinh thần đổi mới của Đảng, phù hợp với điều kiện hiện nay. Đảng khẳng định hoạt động vì lợi ích chung của tất cả mọi tầng lớp nhân dân, của toàn dân tộc, không "cục bộ", "bản vị".

- Điều chỉnh đặc trưng về con người.

Cương lĩnh năm 1991 xác định: "Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân"[1]. Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) xác định: "Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện"[2], bỏ cụm từ "Con người

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khoá VI, VII, VIII, IX, X)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, phần I, tr. 411.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr. 70.

được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động".

Đại hội X bỏ từ "bóc lột", nhưng giữ cụm từ "Con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công".

Có ý kiến cho rằng, như thế Đảng Cộng sản Việt Nam từ bỏ mục tiêu giải phóng con người khỏi áp bức, bóc lột, bất công. Thực ra không phải như vậy mà đây chỉ là cách diễn đạt ngắn gọn hơn, vì:

+ Con người "có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện" đã bao hàm nội dung "được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công".

+ Từ "bóc lột" hiện nay cách hiểu không thống nhất, dễ bị hiểu lầm, xuyên tạc, lợi dụng. Nhiều người căn cứ vào đó quy chụp các doanh nhân là những người "bóc lột"; đồng thời, quy đường lối lâu dài của Đảng Cộng sản là "xóa bỏ bóc lột", tức là quay về việc "chiếm đoạt lại" của cải từ tay những người giàu như cách làm trước đây, xóa bỏ tự do kinh doanh, làm ăn...

- Trình bày rõ hơn đặc trưng về dân tộc.

Cương lĩnh năm 1991 xác định: "Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ"[1]. Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đã xác định: "Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khoá VI, VII, VIII, IX, X)*, *Sđd*, phần I, tr. 411.

bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển"[1]. Đây chỉ là cách diễn đạt lại cho chuẩn xác, phù hợp hơn.

- Trình bày rõ hơn đặc trưng về quan hệ quốc tế.

Cương lĩnh năm 1991 ghi: "Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới"[2]. Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) viết: "Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới"[3] (bỏ từ "nhân dân").

Trong các đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng có một đặc trưng trong quá trình thảo luận xây dựng Cương lĩnh có những ý kiến khác. Cương lĩnh năm 1991 xác định: "có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu"[4]. Đại hội X xác định: "Có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất"[5]. Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) xác định: "Có nền kinh tế phát triển cao

---

1, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr. 70.

2, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khoá VI, VII, VIII, IX, X), Sđd*, phần I, tr. 411.

5. *Sđd*, phần II, tr. 306.

dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp"[1].

Sau Đại hội XI, nhiều người lo ngại cho rằng, như thế là Đảng bỏ đi một trong những đặc trưng quan trọng nhất, riêng có của chủ nghĩa xã hội trong Cương lĩnh. Tuy nhiên, nhiều người khác lại cho rằng, đây là một bước tiến theo chiều hướng đổi mới của Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) vì nó cho phép khắc phục tâm lý lo ngại của các nhà đầu tư (đặc biệt là các nhà đầu tư lâu dài) về khả năng "quốc hữu hóa" ("vỗ béo để thịt") sau này, ảnh hưởng đến tâm lý làm giàu của người dân...; đồng thời cũng hạn chế được việc coi nhẹ vai trò của các thành phần kinh tế dựa trên chế độ sở hữu tư nhân (vì hiểu "công hữu" theo cách hiểu của mô hình chủ nghĩa xã hội Liên Xô).

Việc xác định đặc trưng kinh tế như Đại hội X và Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011), về bản chất, là không mâu thuẫn với Cương lĩnh năm 1991 vì khi chúng ta xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, với một nền kinh tế phát triển cao, quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất lúc đó, phải là quan hệ sản xuất tiến bộ dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu (theo quy luật về sự phù hợp giữa lực lượng sản xuất và quan hệ

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr. 70.

sản xuất), phù hợp với bản chất xã hội xã hội chủ nghĩa mà chúng ta xây dựng (tất nhiên, các phạm trù "công hữu" cũng như "tư liệu sản xuất chủ yếu" ở đây phải hiểu theo nội dung mới).

Như vậy, cả hai cách diễn đạt đều vẫn khẳng định xã hội mà nhân dân ta xây dựng vẫn là xã hội xã hội chủ nghĩa. Trong định hướng phát triển kinh tế, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) vẫn khẳng định: "Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân"[1]. Đồng thời, cả hai cách diễn đạt đều có những nội dung chưa rõ. Chẳng hạn, với phương án của Cương lĩnh năm 1991 thì vấn đề nội hàm của "công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu" vẫn chưa rõ vì chắc chắn "công hữu" ở đây phải hiểu khác so với mô hình chủ nghĩa xã hội trước đây. Ngay theo phương án đã được khẳng định là "quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp" thì cụ thể thế nào là "tiến bộ", "phù hợp". Dù diễn đạt theo cách nào thì sau Đại hội XI vẫn cần được nghiên cứu, làm rõ vấn đề này để có thể chỉ đạo trong các định hướng cụ thể hơn.

So với Cương lĩnh năm 1991, cách diễn đạt của Đại hội X và Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) có ưu điểm:

---

1. *Sđd*, tr. 73-74.

- Phù hợp với chính sách phát triển các thành phần kinh tế của Đảng ta trong giai đoạn hiện nay, tránh được cách hiểu coi nhẹ đối với khu vực kinh tế dựa trên chế độ sở hữu tư nhân[1].

- Đề cập đến *quan hệ sản xuất* nói chung (hàm nghĩa cả quan hệ quản lý, phân phối, trao đổi...), trong khi Cương lĩnh năm 1991 chỉ đề cập đến chế độ sở hữu ("công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu").

Bên cạnh ưu điểm, cách thể hiện của Đại hội X và Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) cũng còn hạn chế, chẳng hạn như có phần trừu tượng, không rõ đến khi kết thúc thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, quan hệ sản xuất phù hợp lúc đó là như thế nào[2].

So với Đại hội X, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) có ưu điểm:

- Nội hàm của phạm trù "phù hợp" rộng hơn vì "phù hợp" ở đây hàm nghĩa không chỉ với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, mà cả giữa các yếu tố của quan hệ sản xuất với nhau và với các mặt khác của xã hội, của chế độ.

- Cụ thể hơn vì bổ sung tính chất "tiến bộ" cho quan hệ sản xuất. Khi lực lượng sản xuất phát triển cao ("hiện đại" theo nghĩa lúc đó) thì quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa trở thành quan hệ sản xuất "phản tiến bộ", lạc hậu; quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp chính là quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

1, 2. Xem: *Sđd*, tr. 277.

2. Về các mục tiêu trên con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

- Về mục tiêu tổng quát:

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) viết: "*Mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ ở nước ta* là xây dựng được về cơ bản nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hoá phù hợp, tạo cơ sở để nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa ngày càng phồn vinh, hạnh phúc"[1].

So với Cương lĩnh năm 1991, có điều chỉnh một số từ ngữ: thay từ "xong" bằng từ "được", dùng cụm từ "nền tảng kinh tế" thay cho "những cơ sở kinh tế", bổ sung cụm từ "ngày càng phồn vinh, hạnh phúc", thay cho từ "phồn vinh".

- Về mục tiêu của chặng đường sắp tới:

Cương lĩnh năm 1991 nêu mục tiêu của **chặng đường đầu** (của thời kỳ quá độ) là "thông qua đổi mới toàn diện, xã hội đạt tới trạng thái ổn định vững chắc, tạo thế phát triển nhanh ở chặng sau".

Từ Đại hội VIII đến Đại hội X, Đảng ta đều khẳng định: chúng ta đã hoàn thành mục tiêu của chặng đường đầu và đang thực hiện mục tiêu của chặng đường tiếp theo là đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá,

---

1. *Sđd*, tr. 71.

phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Vì vậy, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) phát triển Cương lĩnh năm 1991, nêu mục tiêu **đến giữa thế kỷ XXI**: nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

3. Về những phương hướng cơ bản quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Cương lĩnh năm 1991 nêu ra bảy phương hướng cơ bản:

- Xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân.

- Phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hoá đất nước theo hướng hiện đại là nhiệm vụ trung tâm.

- Thiết lập từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa từ thấp đến cao với sự đa dạng về hình thức sở hữu. Phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

- Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá.

- Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, chính sách đối ngoại hoà bình, hợp tác và hữu nghị với tất cả các nước.

- Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam.

- Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Trên cơ sở tổng kết lý luận - thực tiễn 20 năm đổi mới. Đại hội X đã nêu thành tám phương hướng sau đây:

- Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa;

- Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước:

- Xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc làm nền tảng tinh thần của xã hội;

- Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc;

- Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân;

- Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh;

- Bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia;

- Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

Như vậy, Đại hội X đã tách một phương hướng trong Cương lĩnh năm 1991 ra thành hai phương hướng (phương hướng về đoàn kết và về đối ngoại).

Cách viết như Cương lĩnh năm 1991 đề cập đến cả định hướng phát triển, nên có nhiều nội dung trùng với nội dung đề cập ở những định hướng lớn của Cương lĩnh. Đại hội X đã viết gọn lại.

Kế thừa cách viết như Đại hội X, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đã xác định *tám phương hướng cơ bản*. So với Đại hội X, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) có bổ sung, chính xác hóa ở một số phương hướng.

So với Cương lĩnh năm 1991, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) có những điểm mới:

- Thay thế phương hướng phát triển "nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước"[1] bằng phát triển "nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa"[2].

Tuy hai cách diễn đạt này nhìn chung nhất trí với nhau, nhưng cũng có sự khác nhau thể hiện bước tiến trong quan điểm lý luận của Đảng về kinh tế thị trường, không còn e dè trong việc khẳng định xây dựng "nền kinh tế thị trường" như thời kỳ đầu mới thực hiện đường lối đổi mới.

- Gắn nội dung phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên và môi trường vào phương hướng công nghiệp hóa.

Đây là nét mới trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa những năm gần đây, phù hợp với sự phát triển của kinh tế thế giới, yêu cầu phát triển bền vững.

- Bổ sung chủ trương "thực hiện đường lối đối ngoại

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khoá VI, VII, VIII, IX, X)*, *Sđd*, phần I, tr. 412.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, *Sđd*, tr. 73.

độc lập, tự chủ"[1] và "chủ động và tích cực hội nhập quốc tế"[2] vào phương hướng đối ngoại.

Đây là những nội dung mới mà Đảng đã tổng kết và rút ra trong quá trình thực hiện đường lối đối ngoại. Nếu Đại hội X mới chủ trương "chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế"[3] thì Đại hội XI đã khẳng định chủ trương "chủ động và tích cực hội nhập quốc tế", tức là không chỉ giới hạn trong lĩnh vực kinh tế.

- Bổ sung nội dung "xây dựng Nhà nước pháp quyền"[4] vào phương hướng xây dựng Nhà nước.

Đây là nội dung mới của Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) so với Cương lĩnh năm 1991, phù hợp với đặc trưng bổ sung về xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng như đã nêu trên.

Ngoài ra, trong quá trình thực hiện công cuộc đổi mới suốt 1/4 thế kỷ qua, Đảng ta đã phải xử lý rất nhiều vấn đề, nhiều mối quan hệ như quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, quan hệ giữa ổn định và phát triển, quan hệ giữa xây dựng, bảo vệ đất nước theo hướng dân giàu, nước mạnh với yêu cầu phải giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa... Việc xử lý các mối

---

1, 2, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr. 72.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khoá VI, VII, VIII, IX, X), Sđd*, phần II, tr. 310.

quan hệ này rất hệ trọng, quyết định việc chúng ta có đạt được những mục tiêu đặt ra trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội hay không. Chính vì vậy, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đã bổ sung nội dung về việc nắm vững và giải quyết tốt *các mối quan hệ lớn*.

Các mối quan hệ này không chỉ là những vấn đề lý luận mà còn là những vấn đề thực tiễn sâu sắc.

Các mối quan hệ đó là:

- Quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển;
- Quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị;
- Quan hệ giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa;
- Quan hệ giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa;
- Quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội;
- Quan hệ giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa;
- Quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế;
- Quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ.

Trong quá trình đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn chính là nhờ biết xử lý các mối quan hệ lớn, tuy nhiên, đây cũng là những khó khăn, thách thức hiện nay và trong tương lai. Chính vì vậy, việc Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) nêu ra các mối quan hệ lớn có ý nghĩa chỉ đạo thực tiễn quan trọng.

Phần thứ hai

VỀ NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG LỚN TRÊN CÁC LĨNH VỰC KINH TẾ - XÃ HỘI

I- NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG[1] LỚN VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

1. Về xây dựng và phát triển lực lượng sản xuất

Về định hướng xây dựng và phát triển lực lượng sản xuất, Cương lĩnh năm 1991 nêu rõ:

- Phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hoá đất nước theo hướng hiện đại gắn liền với phát triển một nền nông nghiệp toàn diện là nhiệm vụ trung tâm nhằm từng bước xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, không ngừng nâng cao năng suất lao động xã hội và cải thiện đời sống nhân dân.

---

1. Cần lưu ý là, Cương lĩnh năm 1991 chưa phân định rõ ràng "định hướng" với các phần khác nên nhiều định hướng được nêu cả ở các phần trước, vì vậy, trong sách này, khi nói đến "định hướng" thì không nhất thiết là nội dung trình bày ở phần về định hướng.

- Khi kết thúc thời kỳ quá độ, hình thành về cơ bản nền kinh tế công nghiệp với *cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp - dịch vụ* gắn với phân công và hợp tác kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng.

- Phát triển nông - lâm - ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến và xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để ổn định tình hình kinh tế - xã hội.

- Xây dựng nền công nghiệp nặng với bước đi thích hợp, trước hết là các ngành trực tiếp phục vụ nông nghiệp.

- Thực hiện chuyên môn hoá và liên kết kinh tế giữa các vùng, các địa phương. Xây dựng các trung tâm kinh tế của từng vùng, để tạo điều kiện liên kết công nghiệp với nông nghiệp, thành thị với nông thôn, phát triển giao lưu hàng hoá.

- *Khoa học và công nghệ* giữ vai trò then chốt trong sự phát triển lực lượng sản xuất và nâng cao trình độ quản lý, bảo đảm chất lượng và tốc độ phát triển của nền kinh tế.

- *Giáo dục và đào tạo* gắn liền với sự nghiệp phát triển kinh tế, phát triển khoa học, kỹ thuật, xây dựng nền văn hoá mới và con người mới.

Qua các nhiệm kỳ Đại hội, Đảng ta đã có nhiều nhận thức mới về phát triển lực lượng sản xuất nói chung, về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nói riêng.

- Về phát triển lực lượng sản xuất:

Đại hội IX chỉ ra mục đích của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là phát triển lực lượng sản xuất, phát triển kinh tế để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, nâng cao đời sống nhân dân. Tiêu chuẩn căn bản để đánh giá hiệu quả xây dựng quan hệ sản xuất theo định hướng xã hội chủ nghĩa là thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân, thực hiện công bằng xã hội.

- Về công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước:

+ Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước là chủ đạo. Đặc biệt coi trọng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn. Ra sức phấn đấu đưa nước ta đến năm 2020 cơ bản trở thành một nước công nghiệp (Đại hội VIII, IX); đến năm 2020 cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại (Đại hội X).

+ Con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá của nước ta, vừa có những bước tuần tự, vừa có bước nhảy vọt. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước phải bảo đảm xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ. Thực hiện công nghiệp hoá theo mô hình kinh tế mở. Gắn công nghiệp hoá, hiện đại hoá với phát triển kinh tế tri thức, hội nhập kinh tế quốc tế và sự phát triển của nền kinh tế thị trường, tranh thủ cơ hội thuận lợi do bối cảnh quốc tế tạo ra và phát huy tiềm năng, lợi thế của nước ta để

rút ngắn quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước (Đại hội IX, Đại hội X).

+ Xây dựng một nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới, hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu bằng những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả (Đại hội VIII). Phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá (Đại hội IX). Xây dựng cơ cấu kinh tế hiện đại và hợp lý theo ngành, lĩnh vực và lãnh thổ; chuyển dịch mạnh cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn; phát triển nhanh hơn công nghiệp, xây dựng, tạo bước phát triển vượt bậc của các ngành dịch vụ; phát triển kinh tế vùng; phát triển kinh tế biển; chuyển dịch cơ cấu lao động (Đại hội X).

Trong thực tiễn gần 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, đất nước ta đã đạt được những thành tựu chủ yếu[1]:

- Đường lối về phát triển lực lượng sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đã từng bước được thể chế hoá trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và các chính sách phát triển kinh tế, xã hội.

---

1. Trong tài liệu này, phần đánh giá thành tựu và hạn chế trong thực tiễn, chúng tôi chủ yếu dựa vào các nhận định trong Báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991-2011) của Tiểu ban tổng kết, bổ sung và phát triển Cương lĩnh năm 1991.

- Cơ cấu kinh tế ngành đã chuyển dịch tương đối rõ nét theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Cơ cấu lao động bước đầu có sự chuyển đổi tích cực gắn liền với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Một số ngành công nghệ mới, công nghệ cao được xây dựng (hoá chất, đóng tàu, điện tử). Khu vực dịch vụ có tốc độ tăng trưởng mấy năm gần đây ổn định, cao hơn mức tăng GDP của nền kinh tế, sản phẩm dịch vụ đa dạng, phong phú hơn. Nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả; bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia; một số mặt hàng xuất khẩu chiếm vị thế cao trên thị trường thế giới. Kinh tế nông thôn chuyển dịch theo hướng tăng công nghiệp, dịch vụ, ngành nghề; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tăng cường; bộ mặt nhiều vùng nông thôn thay đổi...

- Năng lực sản xuất kinh doanh tăng đáng kể. Tiềm lực và cơ sở vật chất - kỹ thuật của nền kinh tế được tăng cường.

Tuy nhiên, bên cạnh thành tựu đạt được nêu trên, thực tiễn cũng chỉ rõ những hạn chế, yếu kém chủ yếu trong phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta như:

- Chậm xác định được các ngành có lợi thế so sánh, phát triển còn dàn trải.

- Chất lượng tăng trưởng thấp, chưa bền vững.

- Cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động chuyển dịch chậm; tỷ trọng các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ mấy năm gần đây ít thay đổi; tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội còn cao. Chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành chưa được quan tâm đúng mức.

- Nhiều tư liệu sản xuất phục vụ sản xuất công, nông nghiệp vẫn chủ yếu phải nhập khẩu. Tỷ trọng chế biến thô nông, lâm, thuỷ sản còn lớn. Các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu giá trị gia tăng thấp. Trong cơ cấu hàng hoá xuất khẩu, hàng gia công, sản phẩm nông, lâm, thuỷ sản chế biến thô và tài nguyên, khoáng sản vẫn chiếm tỷ trọng lớn. Đổi mới công nghệ trong các ngành kinh tế còn chậm; công nghệ lạc hậu còn chiếm tỷ trọng lớn trong khu vực công nghiệp.

- Công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn còn nhiều hạn chế. Nông nghiệp phát triển kém bền vững; chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong sản xuất nông nghiệp còn chậm.

- Liên kết phát triển kinh tế vùng còn yếu. Các vùng kinh tế trọng điểm chưa phát huy được thế mạnh để đi nhanh vào các ngành công nghiệp, dịch vụ công nghệ cao làm đầu tàu lôi kéo, hỗ trợ các vùng kinh tế khác.

Kế thừa Cương lĩnh năm 1991 và sự phát triển, bổ sung qua các kỳ Đại hội, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) xác định:

- Phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm; thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức và bảo vệ tài nguyên, môi trường.

- Xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại, có hiệu quả và bền vững, gắn kết chặt chẽ công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ.

- Coi trọng phát triển các ngành công nghiệp nặng, công nghiệp chế tạo có tính nền tảng và các ngành công nghiệp có lợi thế.

- Phát triển nông, lâm, ngư nghiệp ngày càng đạt trình độ công nghệ cao, chất lượng cao gắn với công nghiệp chế biến và xây dựng nông thôn mới.

- Bảo đảm phát triển hài hoà giữa các vùng, miền; thúc đẩy phát triển nhanh các vùng kinh tế trọng điểm, đồng thời tạo điều kiện phát triển các vùng có nhiều khó khăn.

- Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

So với Cương lĩnh năm 1991, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) có một số điểm mới như:

- Coi phát triển kinh tế là trọng tâm, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức (trong Cương lĩnh năm 1991 chưa có các khái niệm "hiện đại hóa", "kinh tế tri thức").

- Xây dựng cơ cấu kinh tế: "có hiệu quả và bền vững" (trong Cương lĩnh năm 1991 mới có khái niệm "cơ cấu kinh tế hiện đại").

- Công nghiệp: Coi trọng phát triển các ngành công nghiệp nặng, công nghiệp chế tạo "có tính nền tảng" và các ngành công nghiệp "có lợi thế".

- Kinh tế vùng: Bảo đảm "phát triển hài hòa" giữa các vùng, miền; thúc đẩy phát triển nhanh các "vùng kinh tế trọng điểm", đồng thời tạo điều kiện phát triển "các vùng có nhiều khó khăn" (Cương lĩnh năm 1991 chỉ nêu: Thực hiện chuyên môn hóa và liên kết kinh tế giữa các vùng, các địa phương. Xây dựng các trung tâm kinh tế của từng vùng).

2. Về sở hữu, các thành phần kinh tế, quan hệ phân phối

Nội dung của Cương lĩnh năm 1991 về quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, về chế độ sở hữu và thành phần kinh tế có giá trị to lớn, có ý nghĩa định hướng và chỉ đạo sự nghiệp đổi mới gần 20 năm qua. Nhìn chung, tư duy và đường lối đổi mới của Đảng đã từng bước được thể chế hoá, được các ngành, các cấp tích cực chỉ đạo thực hiện, được nhân dân đồng tình, hưởng ứng, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và tăng cường đồng thuận xã hội.

Về sở hữu, các thành phần kinh tế, quan hệ phân phối..., Cương lĩnh năm 1991 trình bày ở cả ba phần khi bàn về đặc trưng của chủ nghĩa xã hội, về phương hướng và phần định hướng phát triển kinh tế, xã hội.

- Về sở hữu:

+ Cương lĩnh năm 1991 đã khẳng định về một trong những đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là: "Có một nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu"[1].

+ Các hình thức sở hữu hỗn hợp và đan kết với nhau hình thành các tổ chức kinh tế đa dạng. Các tổ chức kinh tế tự chủ và liên kết, hợp tác và cạnh tranh trong sản xuất và kinh doanh.

- Về thành phần kinh tế:

+ Phát triển một nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

+ Các thành phần kinh tế gồm: kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, kinh tế cá thể, kinh tế tư bản tư nhân; kinh tế tư bản nhà nước.

+ Vị trí, vai trò của các thành phần kinh tế: Kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo; kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và mở rộng; kinh tế cá thể còn có phạm vi tương đối lớn, từng bước đi vào con đường làm ăn hợp tác trên nguyên tắc tự nguyện, dân chủ, cùng có lợi; kinh tế tư bản tư nhân được kinh doanh trong những ngành có lợi cho quốc kế dân sinh do luật pháp

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khoá VI, VII, VIII, IX, X), Sđd,* phần I, tr. 411.

quy định; phát triển kinh tế tư bản nhà nước dưới nhiều hình thức; kinh tế gia đình được khuyến khích phát triển mạnh, nhưng *không phải là một thành phần kinh tế độc lập*.

+ Kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân (trong phần phương hướng).

- Về chế độ phân phối:

+ Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu.

+ Khuyến khích tăng thu nhập và làm giàu dựa vào kết quả lao động. Có chính sách bảo trợ và điều tiết hợp lý thu nhập giữa các bộ phận dân cư, các ngành và các vùng. Cải cách căn bản chế độ tiền lương trong khu vực nhà nước theo nguyên tắc phân phối theo lao động.

Vấn đề sở hữu, thành phần kinh tế, chế độ phân phối là những vấn đề vừa mang ý nghĩa lý luận quan trọng, vừa có giá trị thiết thực trong quá trình đổi mới ở nước ta, vì vậy, bất kỳ nhiệm kỳ Đại hội Đảng nào cũng có bổ sung, phát triển. Qua các nhiệm kỳ Đại hội Đảng, từ khi ban hành Cương lĩnh năm 1991 đến nay, có thể nêu những nhận thức mới chủ yếu sau:

- Lấy việc giải phóng sức sản xuất, động viên tối đa mọi nguồn lực bên trong và bên ngoài cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nâng cao hiệu quả kinh tế và xã hội, cải thiện đời sống của nhân dân làm mục tiêu hàng đầu trong việc khuyến khích phát triển các

thành phần kinh tế và hình thức tổ chức kinh doanh (Đại hội VIII).

- Tiêu chuẩn căn bản để đánh giá hiệu quả xây dựng quan hệ sản xuất theo định hướng xã hội chủ nghĩa là thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân, thực hiện công bằng xã hội (Đại hội IX).

- Một trong những đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là: "Có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất" (Đại hội X).

Theo các quan điểm như trên, vấn đề giải phóng sức sản xuất, phát huy mọi nguồn lực để công nghiệp hoá, hiện đại hoá, cải thiện đời sống và tăng thêm đồng thuận xã hội, đại đoàn kết toàn dân tộc là mục tiêu ưu tiên hàng đầu và là tiêu chí quan trọng nhất đánh giá việc hoàn thiện quan hệ sản xuất, phát triển các thành phần kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Từ sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân hình thành nhiều hình thức sở hữu và nhiều thành phần kinh tế. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân (Đại hội IX, Đại hội X).

- Đại hội VIII phân định các thành phần kinh tế: kinh tế nhà nước; kinh tế hợp tác; kinh tế tư bản nhà nước; kinh tế cá thể, tiểu chủ; kinh tế tư bản tư nhân. Đại hội IX phân định các thành phần kinh tế: kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế cá thể và tiểu chủ, kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Đại hội X phân định các thành phần kinh tế: kinh tế nhà nước; kinh tế tập thể; kinh tế tư nhân (cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân); kinh tế tư bản nhà nước; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

- Đại hội IX và Đại hội X đã có những đổi mới khá cơ bản về chính sách đối với các thành phần kinh tế; trong đó điều quan trọng nhất là đã khẳng định các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh.

Xoá bỏ mọi sự phân biệt đối xử theo hình thức sở hữu. Nhà nước chỉ thực hiện sự ưu đãi hoặc hỗ trợ phát triển đối với một số ngành, lĩnh vực, sản phẩm; một số mục tiêu như xuất khẩu, tạo việc làm, xoá đói, giảm nghèo, khắc phục rủi ro; một số địa bàn, các doanh nghiệp nhỏ và vừa (Đại hội X).

Khẳng định sự tồn tại khách quan, lâu dài và khuyến khích sự phát triển đa dạng các hình thức sở hữu, các loại hình doanh nghiệp, bảo đảm các quyền và

lợi ích hợp pháp của các chủ sở hữu khác nhau trong nền kinh tế (Hội nghị Trung ương 6 khoá X).

- Tiếp tục đổi mới và phát triển có hiệu quả kinh tế nhà nước để làm tốt vai trò chủ đạo (Đại hội VIII). Doanh nghiệp nhà nước giữ những vị trí then chốt (Đại hội IX). Kinh tế nhà nước có vai trò quyết định trong việc giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, ổn định và phát triển kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước (Hội nghị Trung ương 3 khoá IX). Từ nhiệm kỳ khoá VII đã chủ trương từng bước tiến hành cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước; được coi là một giải pháp trọng tâm để đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước.

- Kinh tế hợp tác mà nòng cốt là các hợp tác xã là hình thức liên kết tự nguyện của những người lao động; phát triển kinh tế hợp tác với nhiều hình thức đa dạng, từ thấp đến cao (Đại hội VIII).

Kinh tế tập thể phát triển với nhiều hình thức hợp tác đa dạng, trong đó hợp tác xã là nòng cốt (Đại hội IX). Tiếp tục đổi mới, tạo động lực phát triển có hiệu quả các loại hình kinh tế tập thể (Đại hội X).

- Kinh tế tư nhân (bao gồm kinh tế cá thể, tiểu chủ và kinh tế tư bản tư nhân) là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Phát triển kinh tế tư nhân là vấn đề chiến lược lâu dài trong phát triển nền kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ

trung tâm là phát triển kinh tế, công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nâng cao nội lực của đất nước trong hội nhập kinh tế quốc tế (Hội nghị Trung ương 5 khoá IX). Kinh tế tư nhân có vai trò quan trọng, là *một trong những động lực* của nền kinh tế; tạo điều kiện thuận lợi và định hướng, quản lý tự phát triển của kinh tế tư nhân theo pháp luật, không hạn chế về quy mô, ngành nghề, lĩnh vực, địa bàn; xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử; bảo đảm thực sự bình đẳng; khuyến khích phát triển các doanh nghiệp lớn của tư nhân, các tập đoàn kinh tế tư nhân có nhiều chủ sở hữu với hình thức công ty cổ phần (Đại hội X).

- Kinh tế tư bản nhà nước được phát triển đa dạng dưới các hình thức liên doanh, liên kết giữa kinh tế nhà nước với kinh tế tư nhân trong nước và ngoài nước, mang lại lợi ích thiết thân cho các bên đầu tư kinh doanh (Đại hội IX).

- Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được tạo điều kiện thuận lợi để phát triển (Đại hội IX); là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế Việt Nam, được đối xử bình đẳng như doanh nghiệp Việt Nam trong kinh doanh (Đại hội X).

- Công bằng xã hội không chỉ được thực hiện trong phân phối kết quả sản xuất, mà còn được thực hiện ở khâu phân phối tư liệu sản xuất, ở việc tạo ra những điều kiện cho mọi người phát huy tốt năng lực của mình. Khuyến khích làm giàu hợp pháp, chống làm giàu

phi pháp đi đôi với chăm lo xoá đói, giảm nghèo. thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển. về mức sống giữa các vùng, giữa các dân tộc, giữa các tầng lớp dân cư, đặc biệt quan tâm đến các vùng căn cứ cách mạng và kháng chiến cũ. các gia đình thuộc diện chính sách, làm cho mọi người, mọi nhà đều tiến tới cuộc sống ấm no, hạnh phúc, ai cũng có việc làm, có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành và chữa bệnh, từng bước thực hiện điều Chủ tịch Hồ Chí Minh hằng mong ước. Thừa nhận sự tồn tại lâu dài các hình thức thuê mướn lao động nhưng không để biến thành quan hệ thống trị, dẫn tới sự phân hoá xã hội thành hai cực đối lập (Đại hội VIII).

- Thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội (Đại hội IX, X). Đồng thời củng cố và mở rộng hệ thống an sinh xã hội (Đại hội X).

- Tiền lương phải được coi là giá cả sức lao động, được hình thành theo quy luật thị trường, dựa trên cung - cầu về sức lao động, chất lượng, cường độ lao động và mức cạnh tranh về việc làm (Hội nghị Trung ương 6 khoá X).

Từng bước mở rộng và cải thiện hệ thống an sinh xã hội để đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu đa dạng của mọi tầng lớp trong xã hội, nhất là của nhóm đối tượng chính sách, đối tượng nghèo (Hội nghị Trung ương 6 khoá X).

Trong tổ chức thực hiện, qua 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, chúng ta đã đạt được các thành tựu chủ yếu trên thực tiễn trong vấn đề sở hữu, thành phần kinh tế, chế độ phân phối là:

- Chế độ sở hữu và cơ cấu các thành phần kinh tế được đổi mới cơ bản từ hai hình thức sở hữu toàn dân và tập thể là chủ yếu, sang các hình thức sở hữu đan xen, hỗn hợp; từng bước xoá bỏ phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế thống nhất chung một luật đầu tư, luật doanh nghiệp và các luật về nghĩa vụ kinh doanh; quyền tự do, bình đẳng trong kinh doanh đã thực sự đi vào cuộc sống, tạo động lực và điều kiện thuận lợi cho phát huy, khai thác các tiềm năng trong và ngoài nước vào phát triển kinh tế - xã hội.

- Các thành phần kinh tế đều phát triển. Vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước được củng cố một bước. Khu vực doanh nghiệp nhà nước được sắp xếp lại và đổi mới cơ chế hoạt động, trọng tâm là đẩy mạnh cổ phần hoá; tập trung vào những ngành, lĩnh vực then chốt, thực hiện ngày càng nhiều hơn nguyên tắc thị trường, hoạt động có hiệu quả hơn. Các tổ hợp tác phát triển nhanh trong nhiều lĩnh vực; nhiều hợp tác xã mới được thành lập, hỗ trợ cho sự phát triển của kinh tế hộ, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp và dịch vụ ở nông thôn. Kinh tế tư nhân phát triển nhanh; các doanh nghiệp vừa và nhỏ thu hút ngày càng nhiều lao động, đóng góp tích cực vào giải quyết việc làm và phát triển kinh tế.

Khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài có bước phát triển mạnh, góp phần tích cực vào phát triển nền kinh tế và tăng kim ngạch xuất khẩu.

- Chế độ phân phối đã có đổi mới, khắc phục một bước tình bình quân cào bằng.

Bên cạnh thành tựu trên, qua 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, trong tổ chức thực hiện còn những hạn chế, yếu kém chủ yếu sau đây:

- Tư duy mới về chế độ sở hữu đã được khẳng định, nhưng việc xử lý một số vấn đề về chính sách đất đai còn nhiều vướng mắc.

- Đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể còn nhiều hạn chế, chưa củng cố, tăng cường được theo hướng vị trí chủ đạo và vai trò nền tảng của các thành phần kinh tế này trong nền kinh tế.

- Vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước chưa được thể hiện rõ nét. Tốc độ tăng trưởng và hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước chưa tương xứng với những ưu đãi về nhiều mặt của Nhà nước, vẫn chưa tách bạch và còn lẫn lộn giữa độc quyền nhà nước và độc quyền doanh nghiệp, làm hạn chế các thành phần kinh tế khác phát triển. Thực tế chưa chuyển được từ cơ chế Nhà nước giao vốn sang cơ chế Nhà nước đầu tư vốn cho doanh nghiệp. Các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và doanh nghiệp nhà nước nắm cổ phần chi phối

chưa được quyền tự chủ trên một số mặt, hạn chế tính năng động trong kinh doanh.

- Đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể còn nhiều hạn chế, khó khăn nhất là khu vực nông nghiệp; tốc độ tăng trưởng, tỷ trọng kinh tế tập thể trong nền kinh tế giảm dần. Hầu hết các tổ hợp tác, hợp tác xã nhỏ, vốn, quỹ ít, phạm vi hoạt động hẹp, chỉ làm được một số khâu hỗ trợ kinh tế hộ. Nhiều tổ hợp tác tổ chức và hoạt động thiếu ổn định: một bộ phận hợp tác xã yếu kém kéo dài nhiều năm, nhất là hợp tác xã nông nghiệp cũ chuyển đổi, trong đó, nhiều hợp tác xã tồn tại trên danh nghĩa. Còn nhiều lúng túng và bất cập trong xác định mô hình và phương thức hoạt động của hợp tác xã.

- Chế độ phân phối đổi mới chậm, chính sách tiền lương chưa tạo được động lực thu hút và sử dụng người tài. Hệ thống an sinh xã hội chậm được hoàn thiện.

Trên cơ sở kế thừa Cương lĩnh năm 1991, những nhận thức mới qua các kỳ Đại hội và thực tiễn phát triển đất nước 20 năm qua, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đã bổ sung và phát triển thêm nhiều điểm mới so với Cương lĩnh năm 1991:

- Về hệ thống các thành phần kinh tế:

Cương lĩnh năm 1991 xác định tên gọi của các thành phần kinh tế gồm: kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, kinh tế cá thể, kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế gia đình.

Tên gọi một số thành phần kinh tế như trên đến nay đã lạc hậu, ít có giá trị chỉ đạo thực tiễn, vì cách xác định tên gọi của các thành phần kinh tế không chỉ có ý nghĩa lý luận mà còn có tác động đến thực tiễn, hiệu quả hoạt động của nền kinh tế, đặc biệt là thái độ đối với các thành phần kinh tế trên thực tế. Chính vì vậy, kế thừa quan điểm của các Đại hội Đảng từ năm 1991 đến nay, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đưa ra hệ thống các thành phần kinh tế: kinh tế nhà nước (thay cho kinh tế quốc doanh), kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Việc xác định các tên gọi mới không chỉ xuất phát từ nhận thức mới mà còn xuất phát từ thực tiễn kinh tế, đặc biệt, trong xây dựng cơ chế, chính sách phát triển kinh tế.

- Về mối quan hệ giữa các thành phần kinh tế:

Cương lĩnh năm 1991 chỉ nêu một ý chung: "Các hình thức sở hữu hỗn hợp và đan kết với nhau hình thành các tổ chức kinh tế đa dạng. Các tổ chức kinh tế tự chủ và liên kết, hợp tác và cạnh tranh trong sản xuất và kinh doanh"[1]. Thực tiễn 20 năm qua cho thấy, việc xác định mối quan hệ giữa các thành phần kinh tế, đặc biệt, thái độ đối xử của Nhà nước, của xã hội có

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khoá VI, VII, VIII, IX, X), Sđd,* phần I, tr. 414.

vai trò rất quan trọng tác động đến sự phát triển kinh tế. Chính vì vậy, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) rất chú ý nhấn mạnh đến vấn đề này: "Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh"[1].

Ở đây, cần đặc biệt lưu ý đến sự "bình đẳng", "phát triển lâu dài".

- Về vị trí, vai trò của các thành phần kinh tế:

+ Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

Cương lĩnh năm 1991 xác định: "Kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo". Từ Đại hội VIII, Đảng ta đã sử dụng khái niệm "kinh tế nhà nước" thay cho "kinh tế quốc doanh".

Kế thừa Cương lĩnh năm 1991, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) tiếp tục xác định kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo trên cơ sở làm rõ hơn nội hàm của thành phần kinh tế này và nội hàm của khái niệm chủ đạo.

Hội nghị Trung ương 3 khoá IX đã xác định: kinh tế nhà nước có **vai trò chủ đạo** theo nghĩa: "có vai trò quyết định trong việc giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, ổn định và phát triển kinh tế, chính trị, xã hội

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Sđd,* tr. 73.

của đất nước"[1]; đồng thời cũng xác định doanh nghiệp nhà nước giữ vị trí **then chốt** trong nền kinh tế, làm *công cụ vật chất quan trọng để Nhà nước định hướng và điều tiết vĩ mô*, làm lực lượng nòng cốt, góp phần chủ yếu để kinh tế nhà nước thực hiện vai trò chủ đạo trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa[2]. Thực tế những năm qua, nhất là trong điều kiện khủng hoảng tài chính và suy giảm kinh tế toàn cầu, càng cho thấy phải khẳng định vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước và vai trò quan trọng, làm nòng cốt của doanh nghiệp nhà nước, gắn với vai trò quản lý và điều tiết nền kinh tế của Nhà nước. Như vậy, vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước không mâu thuẫn, hạn chế sự phát triển bình đẳng, lâu dài các thành phần kinh tế, mà chính là mở đường, thúc đẩy, tạo điều kiện, tạo động lực cho phát triển mạnh các thành phần kinh tế.

+ Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển.

Luận điểm này về cơ bản kế thừa Cương lĩnh năm 1991: "Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và mở rộng".

+ Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khoá IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 6.

càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân (bổ sung cụm từ "vững chắc").

Cần lưu ý rằng, luận điểm này rất dễ bị hiểu lầm. Trong quá trình thảo luận xây dựng Cương lĩnh, một số người cho rằng, nếu khẳng định như vậy thì trái với thực tiễn hiện nay. Vấn đề ở đây là, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải cố gắng làm cho luận điểm này trở thành hiện thực chứ không phải ngay từ đầu đã có trong hiện thực hay sau một thời gian ngắn có thể đạt được. Mặt khác, cũng không được đồng nhất "nền tảng" với quy mô, số lượng... Nội dung "nền tảng" là thế nào còn cần phải tiếp tục nghiên cứu, làm rõ thêm.

+ Kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế.

Trong Cương lĩnh năm 1991 chưa đưa ra thành phần kinh tế tư nhân. Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đưa ra luận điểm này nhằm tiếp tục khẳng định vai trò, vị trí quan trọng của thành phần kinh tế này; đồng thời, việc xác định kinh tế tư nhân là "một trong những động lực" là không hề có ý coi nhẹ các thành phần kinh tế khác đối với sự phát triển của đất nước.

+ Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển.

Định hướng này thể hiện rõ tầm quan trọng của việc thu hút các nguồn lực bên ngoài cho phát triển.

- Về chế độ phân phối: Quan hệ phân phối bảo đảm công bằng và tạo động lực cho phát triển; các nguồn lực được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và theo nguyên tắc thị trường; thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng với nguồn lực khác và phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội (Cương lĩnh năm 1991 mới chỉ khẳng định: "Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu").

3. Về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Cương lĩnh năm 1991 nêu những định hướng quan trọng sau:

- Phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

- Xoá bỏ triệt để cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp, hình thành cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác.

- Xây dựng và phát triển đồng bộ các thị trường hàng tiêu dùng, vật tư, dịch vụ, tiền vốn, sức lao động; thực hiện giao lưu kinh tế thông suốt cả nước và với thị trường thế giới.

- Xác định quyền của người sở hữu, quyền của người sử dụng tư liệu sản xuất và quyền quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực kinh tế, bảo đảm mọi tư liệu sản xuất đều có người làm chủ, mọi đơn vị kinh tế đều tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của mình.

- Đổi mới và nâng cao hiệu lực hướng dẫn, kiểm soát và điều tiết của Nhà nước.

Qua các kỳ Đại hội, Đảng đã có những bổ sung, phát triển trong vấn đề này như:

- Qua các nhiệm kỳ Đại hội, đã chuyển từng bước từ "Phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, theo định hướng xã hội chủ nghĩa vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước", sang "Phát triển nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa" (Đại hội VIII); "Phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa" (Đại hội IX).

- Tạo lập đồng bộ các yếu tố của thị trường; thúc đẩy sự hình thành, phát triển và từng bước hoàn thiện các loại thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa (Đại hội VIII, Đại hội IX, Đại hội X).

- Đổi mới và nâng cao hiệu lực quản lý kinh tế của Nhà nước. Nhà nước tạo môi trường pháp lý thuận lợi, bình đẳng cho các doanh nghiệp cạnh tranh và hợp tác để phát triển; bằng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và

chính sách, kết hợp với sử dụng lực lượng vật chất của Nhà nước để định hướng phát triển kinh tế - xã hội, khai thác hợp lý các nguồn lực của đất nước... (Đại hội IX, Đại hội X).

- Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là một nền kinh tế vừa tuân theo quy luật của kinh tế thị trường, vừa chịu sự chi phối bởi các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội và các yếu tố bảo đảm tính định hướng xã hội chủ nghĩa (Hội nghị Trung ương 6 khoá X).

- Các nhiệm kỳ Đại hội, đặc biệt là Đại hội X đã làm rõ hơn nội hàm định hướng xã hội chủ nghĩa của kinh tế thị trường. Đó là :

+ Thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"; giải phóng mạnh mẽ và không ngừng phát triển sức sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân; đẩy mạnh xoá đói, giảm nghèo, khuyến khích mọi người vươn lên làm giàu chính đáng, giúp đỡ người khác thoát nghèo và từng bước khá giả hơn.

+ Phát triển nền kinh tế nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

+ Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển, tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hoá, y tế, giáo dục...,

giải quyết tốt các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người. Thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội.

+ Phát huy quyền làm chủ xã hội của nhân dân, bảo đảm vai trò quản lý, điều tiết nền kinh tế của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng (Đại hội X).

Về kết quả đạt được trong tổ chức thực hiện các chủ trương do Cương lĩnh năm 1991 đề ra là:

- Xoá bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp; tách quản lý nhà nước về kinh tế và quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, bảo đảm quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

- Từng bước xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách, tạo hành lang pháp lý cho hoạt động tự chủ, cạnh tranh bình đẳng của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

- Từng bước hình thành và phát triển đồng bộ các thị trường cơ bản; thực hiện lưu thông tự do và giá thị trường với hầu hết các loại hàng hoá, dịch vụ; tiền lương, tiền công, lãi suất ngân hàng, giá cả đất đai được định theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước; các thị trường thống nhất, thông suốt cả nước, bước đầu liên kết với thị trường khu vực và quốc tế.

- Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước được hình thành, phát triển; huy động được các nguồn lực trong và ngoài nước vào phát triển kinh tế - xã hội, tạo được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế.

Bên cạnh đó, trong tổ chức thực hiện còn những hạn chế, yếu kém chủ yếu :

- Những đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hệ thống lý luận về thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chưa tạo được sự nhất trí cao.

- Hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách chưa đầy đủ, đồng bộ, chưa tạo được hành lang pháp lý thuận lợi cho sự vận hành của nền kinh tế. Cơ cấu tổ chức, cơ chế vận hành của bộ máy quản lý nhà nước, thủ tục hành chính, năng lực đội ngũ cán bộ, công chức còn nhiều bất cập. Tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí còn nghiêm trọng.

- Một số loại thị trường hình thành, phát triển chậm, thiếu đồng bộ, vận hành chưa thông suốt. Tình trạng cạnh tranh không lành mạnh, gian lận thương mại... chậm được khắc phục .

- Những yếu tố bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường chưa được quan tâm chỉ đạo đúng mức; có lúc buông lỏng vai trò quản lý của Nhà nước. Tác động tiêu cực của cơ chế thị trường chưa được khắc phục có hiệu quả.

Trên cơ sở kế thừa nhận thức và những kết quả đạt được qua các kỳ Đại hội, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) định hướng như sau:

- Cương lĩnh năm 1991 đã đề ra định hướng phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Sau 20 năm, trải qua các kỳ Đại hội VIII, IX, X, Đảng đã có nhiều nhận thức, tổng kết về xây dựng quan hệ sản xuất mới. Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đề ra định hướng xây dựng quan hệ sản xuất với cách diễn đạt và nội dung mới so với Cương lĩnh năm 1991: "*Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa* với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối"[1].

Với diễn đạt định hướng tổng quát mới như vậy, cho phép khắc phục được hoàn toàn tâm lý kỳ thị về mục tiêu xây dựng nền kinh tế thị trường hoàn chỉnh (thời kỳ đầu thập niên 90 của thế kỷ XX chúng ta chỉ nói đến "cơ chế thị trường").

- Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) tiếp tục khẳng định việc phân định rõ quyền của người sở hữu, quyền của người sử dụng tư liệu sản xuất và quyền quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực kinh tế, bảo đảm cho mọi tư liệu sản xuất đều có người làm chủ,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr. 73.

mọi đơn vị kinh tế đều tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của mình.

Khẳng định này gần như giữ nguyên so với Cương lĩnh năm 1991 (chỉ thay "phân định rõ" cho "xác định"). Tuy nhiên, đây vẫn là một vấn đề cần quan tâm đặc biệt, là một trong những chỗ còn "rối" trong lĩnh vực sở hữu và quản lý đất đai, quản lý các doanh nghiệp nhà nước, quản lý giá cả...

Sau khi ban hành Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011), vấn đề này cần tiếp tục nghiên cứu, làm rõ để tháo gỡ những khó khăn trong các lĩnh vực nêu trên.

- Ngoài ra, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) bổ sung, nhấn mạnh thêm một số luận điểm:

+ Các yếu tố thị trường được tạo lập đồng bộ, các loại thị trường từng bước được xây dựng, phát triển, vừa tuân theo quy luật của kinh tế thị trường, vừa bảo đảm tính định hướng xã hội chủ nghĩa.

+ Nhà nước quản lý nền kinh tế, định hướng, điều tiết, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và lực lượng vật chất.

4. Về kinh tế đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế

Cương lĩnh năm 1991 chưa sử dụng khái niệm xây dựng "nền kinh tế độc lập tự chủ" và "hội nhập kinh tế quốc tế", nhưng đã đề cập đến những nội dung rất quan trọng:

- Xác định quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản, với nhiều khó khăn, thử thách, đồng thời cũng có những thuận lợi, chúng ta phải "tiếp tục *nâng cao ý chí tự lực tự cường, phát huy mọi tiềm năng vật chất và trí tuệ của dân tộc đồng thời mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế*"[1].

- Một định hướng lớn về chính sách kinh tế là: "Khi kết thúc thời kỳ quá độ, hình thành về cơ bản nền kinh tế công nghiệp với *cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp - dịch vụ* gắn với phân công và hợp tác kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng"[2].

- Một trong những định hướng lớn về chính sách đối ngoại là: "Hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước không phân biệt chế độ chính trị - xã hội khác nhau trên cơ sở những nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình"[3].

Quá trình phát triển nhận thức qua các nhiệm kỳ Đại hội về kinh tế đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế thể hiện như sau:

- Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, trước hết là độc lập tự chủ về đường lối, chính sách phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tạo tiềm lực kinh tế, khoa học và công nghệ, cơ sở vật chất - kỹ thuật đủ mạnh; có cơ cấu

---

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khoá VI, VII, VIII, IX, X), Sđd*, phần I, tr. 411, 414, 421.

kinh tế hợp lý, có hiệu quả và sức cạnh tranh; có thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô; bảo đảm an ninh lương thực, an toàn năng lượng, tài chính, môi trường; bảo đảm nền kinh tế đủ sức đứng vững và ứng phó được với các tình huống phức tạp, tạo điều kiện thực hiện có hiệu quả các cam kết hội nhập quốc tế (Đại hội IX).

- Xây dựng nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới (Đại hội VIII).

Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực, đồng thời mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác. Phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, bảo vệ môi trường; lấy phục vụ lợi ích đất nước làm mục tiêu cao nhất. Trong tiến trình mở cửa, hội nhập với nền kinh tế thế giới, phải biết khai thác tối đa mọi lợi thế so sánh và nguồn lực của đất nước. Phát huy cao độ nội lực, xem đó là nhân tố quyết định đối với sự phát triển; đồng thời ra sức tranh thủ ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới.

Gắn chặt việc xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Độc lập tự chủ về kinh tế tạo cơ sở cho hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả; hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả tạo điều kiện cần thiết để xây dựng kinh tế độc lập tự chủ (Đại hội X).

Kết quả tổ chức thực hiện trong thực tiễn qua 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991 về vấn đề trên như sau:

- Đã phá được thế đất nước bị bao vây, cấm vận; hội nhập ngày càng sâu vào nền kinh tế thế giới và khu vực, tham gia WTO và các định chế quốc tế.

- Có nhiều cố gắng trong việc thể chế hoá, điều chỉnh luật pháp phù hợp với các cam kết quốc tế.

Bên cạnh đó, vẫn còn những hạn chế, yếu kém chủ yếu:

- Khả năng độc lập tự chủ của nền kinh tế còn nhiều hạn chế: còn chịu ảnh hưởng lớn những biến động kinh tế của thế giới; tiềm lực kinh tế còn yếu; nhập siêu lớn; an ninh năng lượng chưa bảo đảm...

- Chưa tận dụng tốt điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế và phát huy được lợi thế so sánh, tham gia có hiệu quả vào quá trình phân công lao động quốc tế để phát triển nhanh và bền vững. Những năm đầu khi thực thi chủ trương mở cửa với bên ngoài vẫn có tình trạng e dè, sợ bị ảnh hưởng tiêu cực từ bên ngoài.

Kế thừa Cương lĩnh năm 1991, nhận thức và thực tiễn qua các kỳ Đại hội, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định:

Xây dựng nền kinh tế "độc lập, tự chủ", đồng thời "chủ động và tích cực" hội nhập kinh tế quốc tế (Cương lĩnh năm 1991 chỉ nêu: ...cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp - dịch vụ gắn với phân công và hợp tác kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng; đẩy mạnh công nghiệp... hàng xuất khẩu, mở rộng kinh tế đối ngoại).